

CHƯƠNG IX : ĐỊA LÍ DỊCH VỤ.

Bài 35: VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ.

NỘI DUNG BÀI HỌC:

I. CƠ CẤU VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

1. Cơ cấu

Cơ cấu ngành rất phức tạp, với 3 nhóm ngành:

- + Dịch vụ kinh doanh.
- + Dịch vụ tiêu dùng.
- + Dịch vụ công.

HS đọc mục I.1 sgk/tr134, để nêu ví dụ cho từng nhóm ngành.

2. Vai trò

- + Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.
- + Sử dụng tốt hơn nguồn lao động, tạo thêm nhiều việc làm.
- + Khai thác tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

HS đọc sơ đồ mục II sgk/tr135 để tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng, qua đó tìm các ví dụ minh họa cụ thể cho từng nhân tố.

Cô làm mẫu một vài ví dụ minh họa sau:



- + Nhân tố trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động xã hội ảnh hưởng tới đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ.

Ví dụ: Khi ngành công nghiệp và nông nghiệp phát triển sẽ giải phóng lao động chuyển sang làm trong ngành dịch vụ.

- + Số dân, cơ cấu dân số sức mua của người dân ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

Ví dụ: Cơ cấu dân số già sẽ xuất hiện các dịch vụ chăm sóc người già. Dân số có thu nhập cao, sức mua lớn sẽ làm cho ngành dịch vụ tăng trưởng nhanh.

- + Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư ảnh hưởng tới mạng lưới ngành dịch vụ.

Ví dụ: Nơi có mật độ dân cao (thành phố, thị xã) sẽ có nhiều cơ sở và loại hình dịch vụ hơn những khu vực thưa dân.

3 nhân tố còn lại các em HS tự lấy ví dụ.

III. ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ TRÊN THẾ GIỚI

HS chỉ học 2 đặc điểm đầu tiên – SGK/tr136, 3 đặc điểm sau thuộc phần giảm tải.

- + Các nước phát triển ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao (trên 60%). Các nước đang phát triển tỉ trọng dịch vụ thấp.

+ Trên thế giới, các thành phố cực lớn là các trung tâm dịch vụ lớn có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới ...*đọc thêm sgk.*

MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1: Dựa vào chức năng chính, ngành dịch vụ được chia thành mấy nhóm?

- A. 2 nhóm. B. 3 nhóm. C. 4 nhóm. D. 5 nhóm.

Câu 2: Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

- A. dịch vụ công. B. dịch vụ tiêu dùng.
C. dịch vụ kinh doanh. D. dịch vụ cá nhân.

Câu 3: Ý nào sau đây **không thuộc** vai trò của ngành dịch vụ?

- A. Thúc đẩy sự phát triển các ngành sản xuất vật chất.
B. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động, tạo thêm việc làm.
C. Tạo ra một khối lượng của cải lớn cho xã hội.
D. Khai thác tốt hơn tài nguyên thiên nhiên và các di sản văn hóa, ...

Câu 4: Nhân tố ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu dịch vụ là

- A. quy mô, cơ cấu dân số.
- B. mức sống và thu nhập thực tế.
- C. phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.
- D. truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

Câu 5: Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động xã hội ảnh hưởng đến

- A. sự phân bố các mạng lưới dịch vụ.
- B. nhịp điệu phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.
- C. đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ.
- D. sức mua và nhu cầu dịch vụ.

Câu 6: Sự phân bố dân cư và mạng lưới dân cư ảnh hưởng đến

- A. cơ cấu ngành dịch vụ.
- B. sức mua, nhu cầu dịch vụ.
- C. hình thành các điểm du lịch.
- D. mạng lưới ngành dịch vụ.

Câu 7: Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ?

- A. Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.
- B. Di tích lịch sử văn hóa.
- C. Mức sống và thu nhập của người dân.
- D. Quy mô, cơ cấu dân số.

Câu 8: Các trung tâm dịch vụ lớn thường gắn liền với

- A. các thành phố lớn.
- B. các khu dân cư.
- C. các điểm du lịch.
- D. các làng nghề.

Câu 9: Cho bảng số liệu

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á NĂM 2014
(Đơn vị: tỉ USD)

Nước	Ấn Độ	Trung Quốc	Hàn Quốc	Nhật Bản
Giá trị xuất khẩu	475	2342	714	815

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 2014 của một số quốc gia là biểu đồ

- A. tròn.
- B. cột.
- C. đường.
- D. miền.

BÀI TẬP: Cho bảng số liệu

SỐ LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2014

Quốc gia	Số khách du lịch(triệu người)	Doanh thu (tỉ USD)
Pháp	83,8	66,8
Tây Ban Nha	65,0	64,1
Hoa Kỳ	75,0	220,8
Trung Quốc	55,6	56,9

Hãy vẽ biểu đồ thể hiện số khách du lịch đến và doanh thu của một số nước dẫn đầu về du lịch trên thế giới.